TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày: 06 tháng 10 năm 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Ông Phan Đình Xiềng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 06 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-DS ngày 10/8/2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: Số H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn : Ông Võ Văn S – Phó Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh huyện G Gia Lai; địa chỉ: Số H, đường V, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Chu Văn P và bà Lê Thị G; địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai (Ngân hàng) có cho ông Chu Văn P và bà Lê Thị G vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 2619/HĐTD ngày 23/8/2018 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 5005-LDS-201905006 ngày 17/8/2019 như sau: Số tiền vay là 100.000.000 đồng; mục đích vay là chăm sóc cà phê và mua vật dụng gia đình; thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 17/8/2019 đến ngày 17/8/2020; lãi suất vay trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; P thức trả nợ lãi 06 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ. Ông P và bà G vay tín chấp theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông P và bà G chỉ trả cho Ngân hàng được 600.000 đồng tiền gốc, không trả tiền lãi. Đến ngày 18/8/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ của ông P và bà G thành nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P và bà G phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 06/10/2023 là 156.169.534 đồng, trong đó nợ gốc là 99.400.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.824.329 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.945.205 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Chu Văn P và bà Lê Thị G đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông Chu Văn P và

bà Lê Thị G cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của họ.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp: Bảng kê tính lãi; Hợp đồng tín dụng số 2619/HĐTD ngày 23/8/2018 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 5005-LDS-201905006 ngày 17/8/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Sổ giao dịch tiền vay; Chứng từ giao dịch; Quyết định ban hành Điều lệ và Điều lệ Ngân hàng N; Danh sách mạng lưới chi nhánh Ngân hàng N; Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án; Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ; Tòa án không thu thập các tài liệu, chứng cứ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết; Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 2619/HĐTD ngày 23/8/2018 và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 5005-LDS-201905006 ngày 17/8/2019 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo các hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Chu Văn P và bà Lê Thị G phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 06/10/2023 là 156.169.534 đồng, trong đó nợ gốc là 99.400.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.824.329 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.945.205 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Chu Văn P và bà Lê Thị G phải liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ theo 2691/2018/HĐTD ngày 23/8/2018 tính đến ngày 06/10/2023 là 156.169.534 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 99.400.000 đồng (chín mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng), nợ lãi quá hạn là 46.824.329 đồng (bốn mươi sáu triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn là 9.945.205 đồng (chín triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm không năm đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Buộc ông Chu Văn P và bà Lê Thị G phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.808.477 đồng (bảy triệu tám trăm không tám nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.756.164 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0008918 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính